

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10-8-2020  
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Công Trường

Bà Phạm Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1958 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 21, khóm C 1, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Tạm trú tại: Tổ 7, khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 21, khóm C 1, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Tạm trú tại: Tổ 7, khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tr trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tr và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984. Tuy nhiên, đến ngày 16-02-2016 cả hai người mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đức, tỉnh An Giang.

Từ năm 1984 đến năm 2016, vợ chồng bà Tr chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 người con chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên đánh đập, bạo hành chửi bới vợ con vô cớ. Mặc dù cả hai người đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng bà Tr đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Nay bà Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tr được ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Ánh T, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1989. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Tr không yêu cầu giải quyết

**\* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày 08-6-2020 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ông H xác nhận về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn theo trình bày của bà Tr là đúng. Tuy nhiên, ông H cho biết vào năm 2017 do ông H bị tai nạn nên bà Tr không muốn chung sống với ông H nữa. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bất hòa trong cuộc sống và cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Ông H xác định mặc dù không có giải pháp gì để giúp vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông H xác định vợ chồng có 02 người con chung hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H cho biết hiện vợ chồng ông H có chung 01 thửa đất và căn nhà trên đất (không nhớ số tờ số thửa) tọa lạc tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đứng tên con là Nguyễn Thị Ngọc Hà nhưng ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa ngày 08-6-2020, ông H đã đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để ông H làm đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 12-8-2020 ông H không còn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Biên bản xác minh ngày 11-5-2020 tại địa phương thể hiện giữa bà Tr và ông H thường xuyên xảy ra xô xát, ông H có hành vi bạo hành đối với bà Tr, vợ chồng đã sống ly thân, bà Tr cùng các con ra thuê nhà trọ sinh sống. Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Tr là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông H

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

#### **[2] Nội dung giải quyết:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Tr và ông H chung sống với nhau từ năm 1984, đến năm 2016 thì mới đi làm thủ tục đăng ký kết và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Do đó, hôn nhân của bà Tr và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Tr và ông H sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 mới xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa cả bà Tr và ông H đều khai về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau, tuy nhiên chính điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa các bên là có thật. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện giữa bà Tr và ông H thường xảy ra xô xát, ông H thường bạo hành đối với bà Tr và cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mặc dù, trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía ông H có ý kiến muốn bà Tr quay về để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng bà Tr không đồng ý và ông H cũng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu có kéo dài cuộc sống chung vợ chồng thì cũng chỉ là hình thức. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Tr, cho bà Tr được ly hôn với ông H là phù hợp.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tr

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tr được ly hôn với ông Nguyễn Văn H

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết

2. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Trần Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số số 0004443 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà Tr đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm (riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Vĩnh Mỹ,  
thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Minh Nghĩa**